MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/4/2024

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,271.47	243.96
% Thay đổi	-1.21%	-0.79%
KLGD (CP)	1,028,979,146	123,244,155
GTGD (tỷ đồng)	27,394.50	2,854.59
Tổng cung (CP)	2,592,455,064	210,333,100
Tổng cầu (CP)	2,831,848,659	156,502,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	86,621,186	3,270,840
KL mua (CP)	57,256,249	3,663,100
GT mua (tỷ đồng)	1,799.63	102.61
GT bán (tỷ đồng)	3,029.66	105.29
GT ròng (tỷ đồng)	(1,230.04)	(2.68)

Tương quan cung cầu HOSE

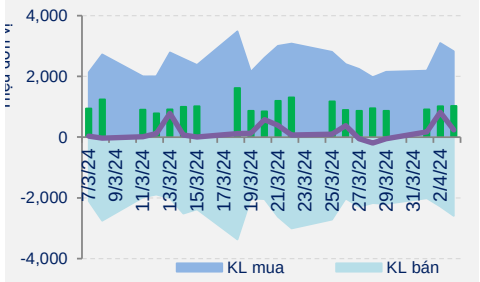

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

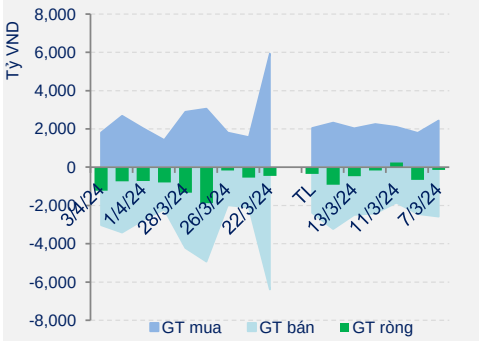

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

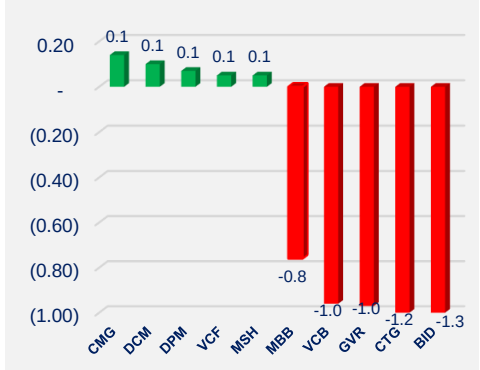

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau khi phục hồi tăng điểm cuối phiên trước, VN-INDEX tăng nhẹ lên 1.289 điểm trong phiên hôm nay và bắt đầu chịu áp lực điều chỉnh gia tăng, phần lớn đến từ áp lực bán gia tăng của khối ngoại, VN30 VN-INDEX chịu áp lực bán mạnh hơn trong phiên chiều. Kết phiên VN-INDEX giảm 15,57 điểm (-1,21%) về mức 1.271,47 điểm, kiểm tra lại vùng giá quanh 1.265 điểm, tương ứng giá trung bình MA20 phiên. HNX-INDEX giảm 1,95 điểm (-0,79%) về mức 243,96 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với áp lực bán gia tăng hơn khi có 485 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 193 mã tăng giá (12 mã tăng trần) và 119 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 30.235,63 tỉ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước, trên mức trung bình. Thị trường phân hóa mạnh, dòng tiền ngắn hạn vẫn luân chuyển nhưng áp lực bán cũng gia tăng. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chuỗi ngày bán ròng mạnh trên HOSE với giá trị bán ròng gia tăng mạnh hơn trong hôm nay với 1.231 tỉ đồng, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm cổ phiếu bất động sản, chứng khoán, thép; bán ròng trên HNX với giá trị 2,58 tỉ đồng.

Theo S&P Global, PMI toàn phần ngành sản xuất ASEAN tăng lên 51,1 điểm trong tháng 3/2024, từ mức 50,4 điểm trong tháng 2 cho thấy ngành sản xuất ASEAN tăng trưởng nhanh hơn vào thời điểm cuối quý 1/2024 và mức cải thiện là đáng kể nhất trong gần một năm. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại đã giúp sản lượng tăng mạnh hơn. Từ đó, các công ty đã tăng việc làm và hoạt động mua hàng; trong đó hoạt động mua hàng tăng mạnh nhất trong năm tháng. Áp lực giá cả trong tháng 3 đã giảm bớt so với tháng 2/2024.

Với áp lực bán ròng của khối ngoại nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục tạo áp lực điều chỉnh lên thị trường khi hầu hết chịu áp lực giảm điểm, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình với CTG (-2,71%), MBB (-2,42%), VIB (-2,28%), HDB (-2,09%), OCB (-2,03%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán ngoài BVS (+9,88%) rất tích cực thì đa số đều chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản đa số ở mức trung bình như TVB (-3,60%), CSI (-3,14%), VCI (-2,80%), MBS (-2,30%), AGR (-2,24%)....

Các cổ phiếu bất động sản cũng chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình như DIG (-5,36%), SGR (-5,15%), QCG (-4,23%), DXG (-3,85%)... ngoài các cổ phiếu có diễn biến khá tích cực như VRC (+2,33%), SCR (+2,04%), HD6 (+1,08%)....Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su ngoài LHG (+2,76%) thì đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh sau khi có diễn biến tăng giá khá tích cực cuối phiên trước với KBC (-3,24%), DPR (-2,96%), GVR (-2,84%), SIP (-2,43%)...

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, thép cũng chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản gia tăng như FCN (-4,19%), TV2 (-2,02%), CTD (-1,67%)... POM (-6,97%), VGS (-3,26%), NKG (-2,49%)... ngoài các cổ phiếu vẫn có diễn biến khác tích cực với C4G (+1,75%), NTP (+1,64%), HHV (+0,96%)...

Trong khi đó các cổ phiếu phân bón lại có diễn biến rất tích cực trong phiên hôm nay, tăng mạnh trong phiên sáng với thanh khoản rất đột biến, kết phiên duy trì tăng giá tích cực như LAS (+9,18%), BFC (+6,15%), DDV (+2,47%), DCM (+2,16%), DPM (+1,96%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 giảm 18,1 điểm (-1,40%), chênh lệch âm -2,37 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 10,80% so với phiên trước, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang chuyển sang giai đoạn điều chỉnh dưới kháng cự quanh 1.282 điểm, tương ứng giá cao nhất ngày 06/03/2024, hỗ trợ gần nhất 1.268 điểm tương ứng giá trung bình MA20 phiên. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 1,43 điểm đến 0,73 điểm so với VN30. Cho thấy các trader vẫn đang nghiêng về VN30 điều chỉnh ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trước áp lực bán mạnh của khối ngoại trong phiên hôm nay, chốt phiên Vn-Index giảm -15,57 điểm (-1,21%) về mức 1.271,47 điểm. Diễn biến ngắn hạn của thị trường đang có xu hướng đi theo kịch bản rung lắc rũ bỏ để kéo dài quá trình tích lũy thay vì bùng nổ hướng tới và vượt 1.300 điểm như chúng tôi đã nhắc tới trong bản tin trước. Điều này cũng là dễ hiểu bởi Vn-Index đứng trước ngưỡng kháng cự mạnh 1.300 điểm và quá trình tích lũy càng kéo dài thì độ tin cậy cho vận động vượt cản sau đó sẽ càng cao. Ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số sẽ là quanh vùng 1.250 điểm.

Xu hướng trung hạn của VnIndex đang duy trì tích lũy để sẵn sàng cho nhịp bùng nổ tiếp theo hình thành uptrend, tuy nhiên quá trình tích lũy sẽ kéo dài thêm quanh cản mạnh 1.300 điểm. Trong kịch bản tiêu cực hơn thị trường sẽ có điều chỉnh và trở lại vận động tích lũy, chúng tôi cho kênh tích lũy phù hợp sẽ là 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Vn-Index khả năng tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong nền tích lũy trước cản mạnh 1.300 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn cần tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường tại ngưỡng hỗ trợ. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và trường hợp cần giải ngân thêm vẫn có thể tiến hành trong nhịp điều chỉnh với kỳ vọng VnIndex vượt cản 1.300 điểm để hình thành uptrend.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BWE	44.30	42.5-43.5	50-52	40	12.7	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	42.80	37-37.8	44-45	35	23.6	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
8/11/2023	PHR	63.80	45.1	64-65	62	41.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	33.90	27.55	37-39	33	23.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.55	18.09	23-24	21	24.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Các ngân hàng dự báo tín dụng tăng trưởng 3,8% trong quý 2	Theo kết quả điều tra do đơn vị chức năng của Ngân hàng Nhà nước thực hiện, các tổ chức tín dụng dự báo dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng bình quân 3,8% và tỷ lệ nợ xấu sẽ giảm trong quý 2/2024… Vụ Dự báo, thống kê (Ngân hàng Nhà nước) vừa công bố điều tra xu hướng kinh doanh quý 2/2024 đối với các tổ chức tín dụng, tỷ lệ trả lời đạt 96%. Theo đó, các tổ chức tín dụng dự báo mặt bằng lãi suất huy động – cho vay trong quý 2/2024 và năm 2024 tiếp tục ở mức thấp và thay đổi không đáng kể so với kỳ trước. Các tổ chức tín dụng dự báo mức độ rủi ro tổng thể trong năm 2025 sẽ giảm nhẹ so với 2024. Cụ thể: 32,1% tổ chức tín dụng kỳ vọng "giảm"; 48,1% tổ chức tín dụng quan ngại rủi ro "tăng"; 19,8% tổ chức tín dụng dự báo "ổn định".
Thủ tướng: Phấn đấu đạt, vượt chỉ tiêu tăng trưởng 6,5%	Phát biểu kết luận tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương sáng 3/4, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho rằng, mặc dù kết quả đạt được là cơ bản, nhưng nước ta vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế và khó khăn thách thức. Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Thủ tướng nhấn mạnh thực hiện cao nhất, tốt nhất, phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu trong năm 2024, nhất là chỉ tiêu tăng trưởng khoảng 6,5%, với tinh thần "Năm quyết tâm", "Năm bảo đảm" và "Năm đẩy mạnh".
Giá vàng thế giới lập đỉnh mới do căng thẳng Trung Đông, vàng nhẫn trong nước đắt chưa từng thấy	Trong nước, giá vàng miếng sáng nay (3/4) vượt 81,5 triệu đồng/lượng trong khi giá vàng nhẫn hướng tới mốc 72 triệu đồng/lượng… Giá vàng thế giới lập kỷ lục mọi thời đại mới trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (2/4), khi tiến gần tới mốc 2.300 USD/oz, do căng thẳng gia tăng ở Trung Đông và bất chấp sự tăng giá của đồng USD cũng như triển vọng lãi suất bất lợi. Trong nước, giá vàng miếng sáng nay (3/4) vượt 81,5 triệu đồng/lượng trong khi giá vàng nhẫn hướng tới mốc 72 triệu đồng/lượng.
Người đóng bảo hiểm tự nguyện có thể nghỉ hưu sớm 2-5 năm	Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi hồi cuối tháng 3 đã bổ sung quy định chuyển tiếp với lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện trước ngày 1/1/2021 được hưởng lương hưu khi đủ 60 tuổi với nam, 55 tuổi với nữ. Nếu đề xuất được thông qua, lao động không bị trừ 2% như trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, đồng thời được về hưu sớm 2-5 năm so với người tham gia sau ngày 1/1/2021 và lao động đóng BHXH bắt buộc.

TIN DOANH NGHIỆP	
Vinhomes đặt mục tiêu lãi sau thuế 35.000 tỷ năm nay	Vinhomes dự kiến trích 5 tỷ lợi nhuận năm 2023 vào Quỹ dự trữ theo quy định tại Điều lệ và toàn bộ phần lợi nhuận còn lại sẽ để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. CTCP Vinhomes (Mã: VHM) đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024, dự kiến diễn ra ngày 24/4 tại TP Hà Nội. Doanh nghiệp dự báo năm 2024, kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực bất động sản nói riêng dự báo vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức dù đã có những tín hiệu hồi phục nhất định.
Chứng khoán MB lãi gấp rưỡi trong quý 1, cho vay margin gần 9,300 tỷ	CTCP Chứng khoán MB (HNX: MBS) ghi nhận lãi sau thuế quý 1/2024 gấp rưỡi cùng kỳ năm trước. Dư nợ cho vay margin gần 9,300 tỷ đồng. Theo BCTC quý 1/2024, MBS có doanh thu hoạt động gần 674 tỷ đồng, hơn gấp đôi cùng kỳ, phần lớn hoạt động chủ lực của Công ty đều có kết quả tích cực. Sau khấu trừ chi phí, Công ty có lãi trước và sau thuế lần lượt 230 tỷ đồng và 183 tỷ đồng, đều gấp rưỡi cùng kỳ. So với kế hoạch lãi trước thuế (930 tỷ đồng) đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua, MBS thực hiện được 25%.
TNG dự kiến phát hành 12.3 triệu cp giá 10,000 đồng/cp	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) vừa công bố kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2024 thông qua 2 hình thức, bao gồm phát hành hơn 9 triệu cp để trả cổ tức 2023 (tỷ lệ 8%) và phát hành gần 12.3 triệu cp cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10%) với giá 10,000 đồng/cp. Phương án tăng vốn điều lệ sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua, dự kiến tổ chức ngày 21/04, tại Chi nhánh may Việt Thái - Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, theo danh sách chốt cổ đông ngày 21/03/2024.
Lợi nhuận SeABank tăng 41% trong quý đầu năm	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank, HOSE: SSB) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2024 với lợi nhuận trước thuế đạt 1,506 tỷ đồng, tăng gần 41% so với cùng kỳ năm 2023. Bên cạnh đó các chỉ số kinh doanh khác đều có sự tăng trưởng ổn định. Kết thúc quý 1/2024, tổng huy động từ tiền gửi và giấy tờ có giá đạt 168,605 tỷ đồng, tăng thêm 6,919 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 4% so với cùng kỳ; tổng dư nợ cho vay khách hàng của SeABank đạt 181,238 tỷ đồng, tăng 1,487 tỷ đồng.

KLGD và VN-Index trong phiên

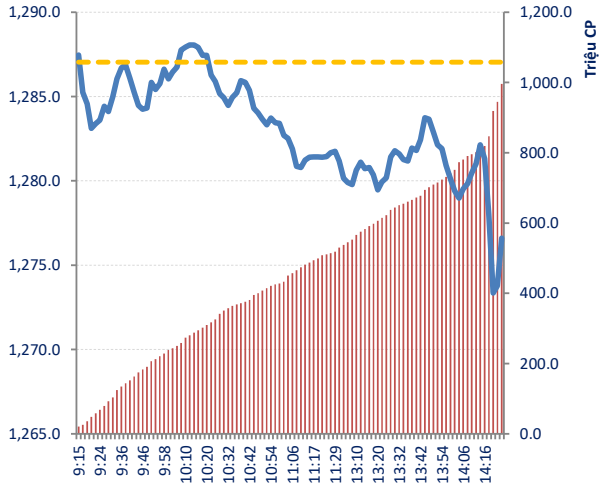

KLGD và HNX-Index trong phiên

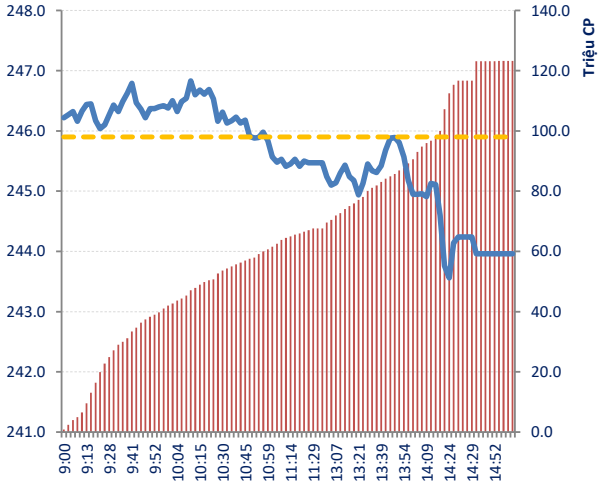

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

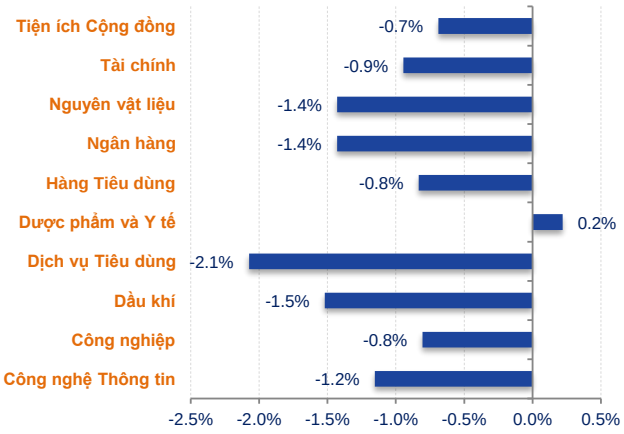

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

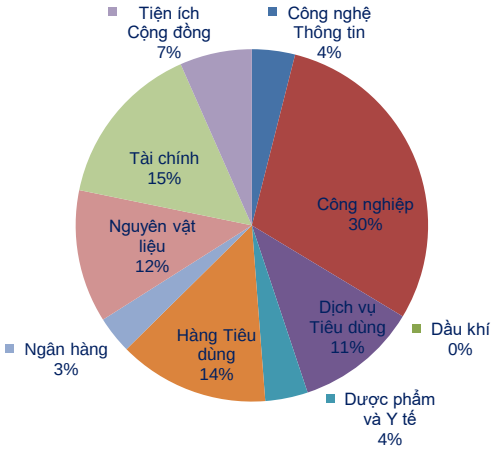

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

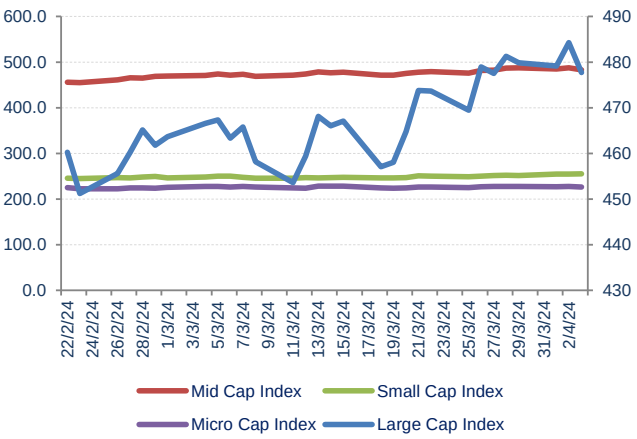

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

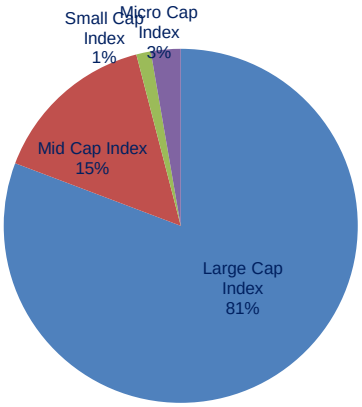

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DPM	2,031,100	VHM	4,101,650
2	IDI	1,697,800	SSI	3,439,600
3	DCM	1,435,050	SHB	3,418,000
4	DXG	1,425,467	VND	3,025,540
5	HHV	1,226,400	KBC	2,426,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	20.95	20.50	-2.15%	42,439,900
STB	30.20	30.10	-0.33%	30,357,600
GEX	25.50	24.55	-3.73%	29,258,300
DIG	33.60	31.80	-5.36%	27,588,400
SSI	38.90	38.05	-2.19%	25,750,601

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	3.86	4.13	0.27	6.99%
CMG	40.15	42.95	2.80	6.97%
CMV	9.10	9.73	0.63	6.92%
BKG	4.36	4.66	0.30	6.88%
AGM	5.82	6.22	0.40	6.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
POM	5.02	4.67	-0.35	-6.97%
DTT	21.00	19.60	-1.40	-6.67%
FUEIP100	7.80	7.32	-0.48	-6.15%
SVD	3.04	2.86	-0.18	-5.92%
DIG	33.60	31.80	-1.80	-5.36%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	651,400	IDC	291,700
2	HUT	422,400	MBS	220,040
3	LAS	200,000	GKM	146,000
4	PVI	104,200	IDJ	139,600
5	SHS	84,900	TIG	138,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	23.70	23.70	0.00%	25,672,746
SHS	21.20	20.80	-1.89%	23,464,149
PVS	43.70	42.80	-2.06%	11,510,445
MBS	30.40	29.70	-2.30%	6,216,096
HUT	19.30	19.30	0.00%	6,018,219

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFN	17.00	18.70	1.70	10.00%
HTC	20.10	22.10	2.00	9.95%
BVS	33.40	36.70	3.30	9.88%
CTB	22.90	25.10	2.20	9.61%
MAC	13.60	14.90	1.30	9.56%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	3.00	2.70	-0.30	-10.00%
ONE	7.10	6.40	-0.70	-9.86%
CAN	49.90	45.00	-4.90	-9.82%
NBW	27.00	24.60	-2.40	-8.89%
VMS	33.40	30.50	-2.90	-8.68%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	42,439,900	11.6%	1,444	14.5	1.6
STB	30,357,600	18.3%	4,094	7.4	1.2
GEX	29,258,300	1.6%	388	65.7	1.0
DIG	27,588,400	1.5%	195	172.6	2.6
SSI	25,750,601	10.1%	1,531	25.4	2.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	25,672,746	3.0%	402	58.9	2.0
SHS	23,464,149	5.7%	688	30.8	1.7
PVS	11,510,445	7.7%	2,148	20.3	1.5
MBS	6,216,096	12.3%	1,334	22.8	2.6
HUT	6,018,219	0.6%	89	217.9	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	7.0%	-7.8%	(842)	-	0.4
CMG	7.0%	10.1%	1,708	23.5	2.3
CMV	6.9%	6.7%	918	9.9	0.7
BKG	6.9%	1.2%	155	28.2	0.3
AGM	6.9%	-137.0%	(11,809)	-	4.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	10.0%	12.8%	3,241	5.2	0.7
HTC	10.0%	15.3%	2,798	7.2	1.1
BVS	9.9%	8.7%	2,710	12.3	1.0
CTB	9.6%	18.6%	3,713	6.2	1.1
MAC	9.6%	25.1%	2,794	4.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	2,031,100	4.1%	1,327	27.0	1.2
IDI	1,697,800	1.7%	254	50.8	0.9
DCM	1,435,050	10.8%	2,095	16.6	1.8
DXG	1,425,467	1.2%	272	76.3	1.0
HHV	1,226,400	3.8%	920	16.9	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	651,400	3.0%	402	58.9	2.0
HUT	422,400	0.6%	89	217.9	1.5
LAS	200,000	10.7%	1,316	15.7	1.6
PVI	104,200	0.6%	211	235.0	1.4
SHS	84,900	5.7%	688	30.8	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	528,169	22.0%	5,910	16.0	3.2
BID	295,853	18.9%	3,773	13.8	2.4
GAS	189,481	18.4%	5,053	16.3	2.9
CTG	187,950	17.0%	3,706	9.4	1.5
VHM	187,891	20.2%	7,664	5.6	1.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,887	7.7%	2,148	20.3	1.5
IDC	19,800	22.6%	4,221	14.2	3.2
SHS	17,239	5.7%	688	30.8	1.7
HUT	17,225	0.6%	89	217.9	1.5
THD	13,475	3.0%	470	74.5	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.49	9.7%	1,110	10.8	1.0
HU1	2.27	0.1%	18	311.8	0.4
ANV	2.26	1.4%	296	116.2	1.6
KSB	2.21	3.7%	912	28.8	1.2
VPG	2.17	1.3%	231	72.9	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PTD	2.84	5.5%	956	11.1	0.6
VC7	2.82	5.2%	733	19.0	1.3
SHS	2.53	5.7%	688	30.8	1.7
NHC	2.38	-1.8%	(335)	-	1.9
HUT	2.36	0.6%	89	217.9	1.5

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

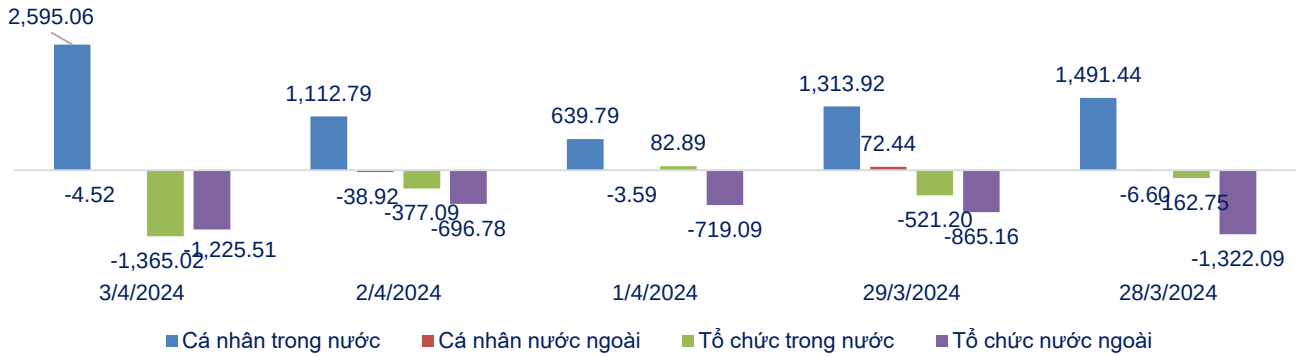

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	209.03	27.1%	8,163	15.0	3.9
VHM	195.07	20.2%	7,664	5.6	1.0
VNM	189.56	26.2%	4,248	15.8	4.0
SSI	169.50	10.1%	1,531	25.4	2.5
MSN	160.54	1.1%	293	253.9	2.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSH	-87.20	13.9%	3,260	13.3	1.8
DPM	-67.70	4.1%	1,327	27.0	1.2
MWG	-49.93	0.7%	115	450.3	3.2
DXG	-47.14	1.2%	272	76.3	1.0
NLG	-47.01	3.6%	1,259	35.3	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	6.06	10.7%	2,646	13.4	1.3
BFC	3.31	11.2%	2,593	11.9	1.4
VHM	2.89	20.2%	7,664	5.6	1.0
DIG	2.87	1.5%	195	172.6	2.6
VRE	2.61	12.4%	1,940	13.2	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	-6.55	5.9%	679	32.8	1.9
STB	-5.75	18.3%	4,094	7.4	1.2
AAA	-4.41	4.8%	757	14.8	0.7
MSB	-3.69	16.0%	2,322	6.3	0.9
HPX	-2.66	3.6%	419	18.1	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	90.10	0.7%	115	450.3	3.2
MSH	82.65	13.9%	3,260	13.3	1.8
GAS	33.86	18.4%	5,053	16.3	2.9
E1VFVN30	20.67	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	17.92	1.2%	272	76.3	1.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-130.58	27.1%	8,163	15.0	3.9
HPG	-127.20	6.9%	1,175	25.9	1.7
MBB	-116.45	23.5%	3,963	6.3	1.3
STB	-115.89	18.3%	4,094	7.4	1.2
VPB	-111.42	8.2%	1,433	13.6	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	74.90	4.1%	1,327	27.0	1.2
NLG	55.22	3.6%	1,259	35.3	1.3
DCM	52.65	10.8%	2,095	16.6	1.8
FUEVFVND	32.12	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	27.51	1.2%	272	76.3	1.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-180.11	20.2%	7,664	5.6	1.0
VNM	-158.15	26.2%	4,248	15.8	4.0
SSI	-130.86	10.1%	1,531	25.4	2.5
KBC	-90.86	10.7%	2,646	13.4	1.3
VCI	-83.06	7.1%	1,127	47.6	3.2

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

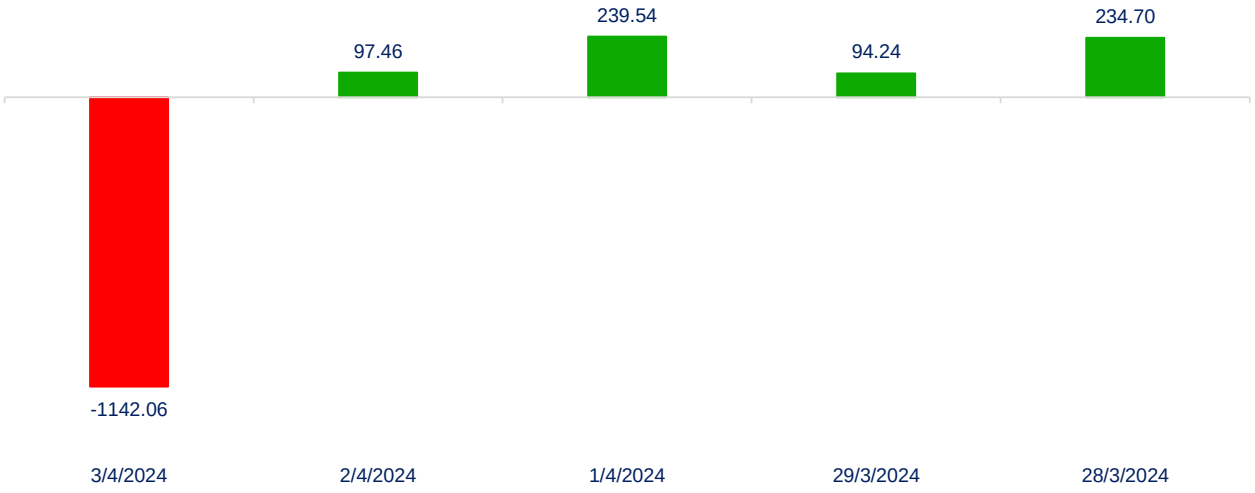

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

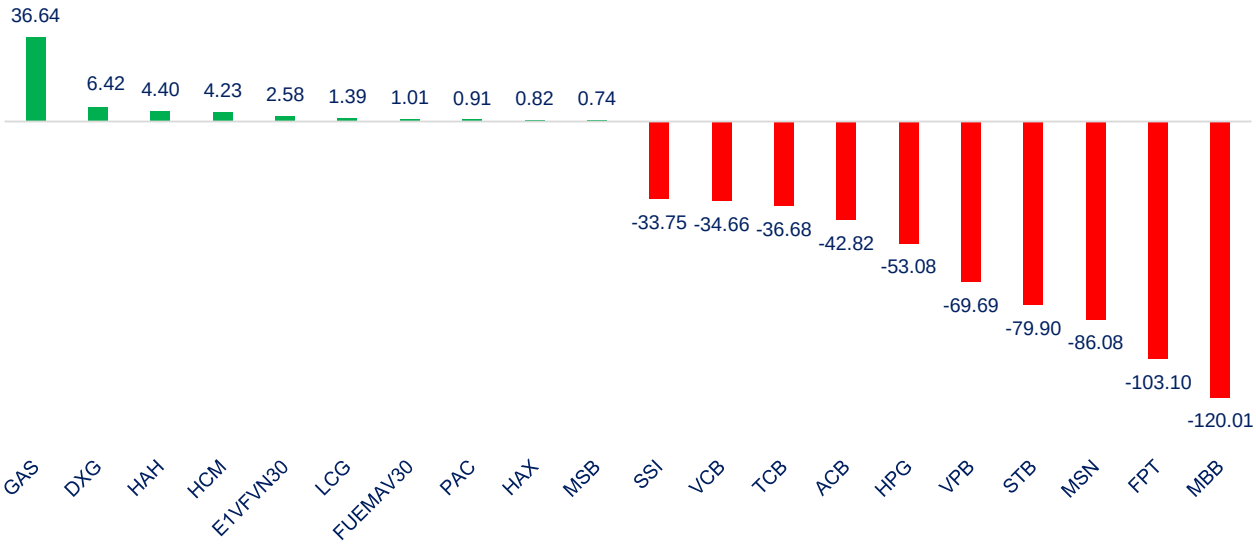

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn